

Số: /QĐ-UBND

Bình Định, ngày tháng năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt dự toán đặt hàng mua sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi năm 2021 của Công ty TNHH Khai thác công trình thủy lợi Bình Định

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 96/2018/NĐ-CP ngày 30/6/2018 của Chính phủ quy định chi tiết về giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi và hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi;

Căn cứ Thông tư số 73/2018/TT-BTC ngày 15/8/2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn sử dụng nguồn tài chính trong quản lý, khai thác công trình thủy lợi sử dụng vốn Nhà nước;

Căn cứ Quyết định 1477/QĐ-BTC ngày 05/8/2021 của Bộ Tài chính về giá tối đa sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi năm 2021;

Căn cứ Quyết định số 1081/QĐ-UBND ngày 27/3/2020 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Định mức kinh tế kỹ thuật khai thác công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh do Công ty TNHH Khai thác công trình thủy lợi Bình Định làm chủ thể;

Căn cứ Quyết định số 3411/QĐ-UBND ngày 16/8/2021 của UBND tỉnh về việc phê duyệt kế hoạch diện tích được hỗ trợ giá sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi năm 2021 của Công ty TNHH Khai thác công trình thủy lợi Bình Định;

Căn cứ Quyết định số 80/2021/QĐ-UBND ngày 16/12/2021 của UBND tỉnh Quy định giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi năm 2021 trên địa bàn tỉnh;

Theo đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 770/TTr-STC ngày 27/12/2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự toán đặt hàng mua sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi năm 2021 của Công ty TNHH Khai thác công trình thủy lợi Bình Định, với các nội dung như sau:

I. Kế hoạch diện tích tưới, tiêu cho cây trồng và cấp nước cho nuôi trồng thủy sản năm 2021: 76.047,87 ha.

Trong đó:

1. Diện tích tưới nước, tiêu nước: 75.771,46 ha

2. Diện tích cấp nước nuôi trồng thủy sản: 276,41 ha

(Chi tiết tại Phụ lục 02 kèm theo)

- HTX Nhơn Phú 2 (thành phố Quy Nhơn): 80 ha

- HTX Mỹ Chánh Tây (huyện Phù Mỹ): 21 ha

- Các HTX: Hoài Châu, Hoài Châu Bắc, Hoài Phú, Hoài Mỹ (thị xã Hoài Nhơn): 1.956,46 ha

- Các HTX: Ân Tường Đông, Ân Hữu I, Ân Hữu II, Ân Nghĩa, Ân Đức I, Ân Đức II, Ân Tường I (huyện Hoài Ân): 884,3 ha.

II. Dự toán tài chính từ nguồn thu sản phẩm, dịch vụ thủy lợi năm 2021
(Chi tiết các nội dung tại Phụ lục 1 kèm theo): **61.737 triệu đồng**

1. Doanh thu

1.1. Thu sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi: 54.195 triệu đồng

Trong đó: Tưới, tiêu cho cây trồng và cấp nước nuôi trồng thủy sản:
54.195 triệu đồng

1.2. Thu sản phẩm, dịch vụ thủy lợi khác: 7.342 triệu đồng

Trong đó:

- Cấp nước cho công nghiệp: 400 triệu đồng

- Kết hợp phát điện: 6.000 triệu đồng

- Cấp nước cho sinh hoạt: 900 triệu đồng

- Nuôi trồng thủy sản trong hồ chứa: 42 triệu đồng

1.3. Lãi tiền gửi ngân hàng: 200 triệu đồng

2. Chi phí hoạt động cung ứng SP, DVTL năm 2021: **54.611 triệu đồng**

- Chi phí vận hành: 41.459 triệu đồng

- Chi phí bảo trì: 6.200 triệu đồng

- Chi phí khấu hao: 385 triệu đồng

- Chi phí quản lý: 5.461 triệu đồng

- Chi phí thực tế khác liên quan: 1.106 triệu đồng

3. Lao động, tiền lương:

3.1. Tổng số lao động: 390 người

a) Viên chức quản lý: 06 người

b) Người lao động: 384 người

3.2. Quỹ tiền lương: 29.361 triệu đồng

a) Viên chức quản lý: 1.716 triệu đồng

b) Người lao động: 27.645 triệu đồng

4. Kế hoạch sửa chữa thường xuyên sử dụng nguồn thu từ sản phẩm, dịch vụ thủy lợi năm 2021: 5.581 triệu đồng

Bao gồm:

a) Chi đắp áp trúc, nạo vét kênh mương: 3.200 triệu đồng

b) Chi sửa chữa thường xuyên công trình: 1.270 triệu đồng

(Chi tiết tại Phụ lục 03 kèm theo)

c) Dự phòng chi các công trình hư hỏng, sự cố phát sinh: 1.111 triệu đồng

5. Kế hoạch chi phí đào tạo: 180 triệu đồng.

Đào tạo lớp sơ cấp Quản lý công trình thủy nông cho công nhân vận hành tại các hồ chứa mới nhận bàn giao theo Quyết định số 64/2020/QĐ-UBND ngày 17/09/2020 của UBND tỉnh Bình Định (từ nguồn chi phí quản lý):

Dự kiến đào tạo 40 người (01 lớp) x 4.500.000 đ/ng = 180 triệu đồng

6. Lợi nhuận (không chịu thuế TNDN): 7.126 triệu đồng

Trong đó:

- Trích 02 quỹ khen thưởng, phúc lợi cho người lao động: 6.911 triệu đồng

- Trích quỹ thưởng người quản lý Công ty: 215 triệu đồng

III. Dự toán kế hoạch sản xuất kinh doanh khai thác tổng hợp năm 2021

1. Doanh thu: 2.120 triệu đồng

2. Chi phí: 2.110 triệu đồng

3. Lợi nhuận trước thuế: 10 triệu đồng

IV. Sử dụng nguồn kinh phí kết dư các năm trước (2019-2020) với số tiền 1.299 triệu đồng để chi trả trong năm 2021, gồm:

- Sửa chữa công trình : 400 triệu đồng

- Trả nợ tiền tư vấn giám sát công trình năm 2020: 33 triệu đồng

- Trả lại ngân sách tiền hỗ trợ sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi năm 2019, 2020 : 6 triệu đồng

- Hỗ trợ kinh phí chi trả công tác thủy nông nội đồng hệ thống tưới hồ chứa nước Tà Niêng: 8 triệu đồng

- Hỗ trợ kinh phí chuyên giao kênh mương (hỗ trợ trong vụ Đông Xuân năm 2020- 2021; khi Quyết định số 2282/QĐ-UBND ngày 08/06/2021 của UBND tỉnh Bình Định chưa ban hành): 120 triệu đồng

- Hỗ trợ cho các HTX nhận nguồn tưới, tiêu có trạm bơm dầu, điện (hỗ trợ trong vụ Đông Xuân năm 2020- 2021; khi Quyết định số 2282/QĐ-UBND ngày 08/06/2021 của UBND tỉnh Bình Định chưa ban hành): 732 triệu đồng.

(Chi tiết có Phụ lục 05 kèm theo).

V. Danh mục công trình sửa chữa thường xuyên năm 2021

Số lượng danh mục công trình: 43 danh mục. Trong đó:

Danh mục công trình sử dụng nguồn kinh phí hỗ trợ sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi và nguồn thu từ sản phẩm, dịch vụ thủy lợi khác: 11 danh mục công trình *(Chi tiết tại Phụ lục 03 kèm theo)*.

Danh mục công trình sửa chữa theo chủ trương của UBND tỉnh tại Văn bản số 5567/UBND-KT ngày 08/09/2021 từ nguồn tạm ứng ngân sách tỉnh: 32 danh mục công trình *(Chi tiết tại Phụ lục 04 kèm theo)*.

VI. Nội dung khác

1. Cho phép Công ty TNHH Khai thác công trình thủy lợi Bình Định sử dụng doanh thu tăng thêm trong quá trình hoạt động để thực hiện các nội dung sau:

- Ưu tiên chi trả các danh mục công trình sửa chữa thường xuyên năm 2021 được UBND tỉnh thống nhất chủ trương tại Văn bản số 5567/UBND-KT ngày 08/09/2021.

- Hỗ trợ cho các Hợp tác xã Nông nghiệp khoản chi phí vận hành và nạo vét kênh mương theo thông báo số 174/TB-UBND ngày 31/8/2021 của UBND tỉnh.

2. Phương thức cấp phát, thanh toán và quyết toán đối với nguồn kinh phí cấp từ ngân sách cho Công ty: Thực hiện kiểm soát chi qua Kho bạc Nhà nước đối với những danh mục sửa chữa, nâng cấp công trình thủy lợi có tổng mức đầu tư từ 500 triệu đồng trở lên.

Điều 2. Giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp Sở Tài chính, Công ty TNHH Khai thác công trình thủy lợi Bình Định triển khai thực hiện và thanh quyết toán theo quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài chính, Nông nghiệp và PTNT, Lao động - Thương binh và Xã hội, Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh, Giám đốc Công ty TNHH Khai thác công trình thủy lợi Bình Định và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- PVP NN;
- Lưu: VT, K3, K10.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Tự Công Hoàng

Phụ lục 01

DỰ TOÁN TÀI CHÍNH TỪ NGUỒN KINH PHÍ NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG HỖ TRỢ SỬ DỤNG SPDV CÔNG ÍCH CẤP NƯỚC, TƯỚI, TIÊU NƯỚC VÀ NGUỒN THU SẢN PHẨM, DỊCH VỤ THỦY LỢI KHÁC NĂM 2021

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 12 năm 2021 của UBND tỉnh)

TT	Nội dung khoản mục	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2020	Dự toán năm 2021				
				Tổng kinh phí	Nguồn kinh phí sử dụng		Tỷ lệ phân bổ chi phí (%)	
					SPDV công ích cấp nước, tưới, tiêu nước	SPDV khác và lãi tiền gửi ngân hàng	SDPV công ích cấp nước, tưới, tiêu nước	SPDV khác và lãi tiền gửi ngân hàng
A	Diện tích cấp nước, tưới, tiêu nước	ha	59.024,88	76.048				
1	Vụ Đông Xuân	ha	28.427,06	36.098				
2	Vụ Hè Thu	ha	27.948,59	36.680				
3	Vụ Mùa	ha	2.649,23	3.270				
B	Doanh thu	tr.đ	50.192	61.737	54.195	7.542		
I	Sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi	tr.đ	43.859	54.195	54.195			
1	Ngân sách hỗ trợ tưới, tiêu cho cây trồng và cấp nước nuôi trồng thủy sản	tr.đ	43.837	54.195	54.195			
2	Thu từ dịch vụ tưới, tiêu ngoài hạn mức (không được ngân sách hỗ trợ)	tr.đ	22	-				
II	Doanh thu khác	tr.đ	6.333	7.542		7.542		
II.1	Sản phẩm, dịch vụ thủy lợi khác	tr.đ	5.903	7.342		7.342		
1	Cấp nước cho công nghiệp	tr.đ	415	400		400		
2	Kết hợp phát điện	tr.đ	5.488	6.000		6.000		
3	Cấp nước cho sinh hoạt	tr.đ		900		900		
4	Nuôi trồng thủy sản trong hồ chứa	tr.đ		42		42		
II.2	Lãi tiền gửi ngân hàng	tr.đ	331	200		200		
II.3	Thu nhập khác	tr.đ	99	-				

TT	Nội dung khoản mục	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2020	Dự toán năm 2021				
				Tổng kinh phí	Nguồn kinh phí sử dụng		Tỷ lệ phân bổ chi phí (%)	
					SPDV công ích cấp nước, tưới, tiêu nước	SPDV khác và lãi tiền gửi ngân hàng	SDPV công ích cấp nước, tưới, tiêu nước	SPDV khác và lãi tiền gửi ngân hàng
C	Chi phí	tr.đ	44.018	54.611	47.069	7.542		
I	Chi phí vận hành	tr.đ	28.363	41.459	41.024	435		
1	Chi phí tiền lương, tiền công, tiền ăn giữa ca, các khoản phải nộp tính theo lương	tr.đ	26.769	39.382	39.065	317		
a	Tiền lương, tiền công, phụ cấp năm 2021	tr.đ	20.450	29.361	29.361	-		
a1	<i>Tiền lương, tiền công và các khoản phụ cấp theo lương của Ban Quản lý điều hành Công ty năm 2021</i>	tr.đ	1.624	1.716	1.716		100%	
a2	<i>Tiền lương, tiền công và các khoản phụ cấp theo lương của người lao động năm 2021</i>	tr.đ	18.826	27.645	27.645		100%	
b	Tiền lương, tiền ăn giữa ca cho người lao động tại các công trình mới nhận bàn giao chi trả trong tháng 12 năm 2020	tr.đ		170		170		100%
c	Tiền ăn giữa ca và các khoản phải nộp tính theo lương năm 2021	tr.đ	6.222	9.704	9.704			
c1	<i>Tiền ăn giữa ca</i>	tr.đ	2.194	3.338	3.338		100%	
c2	<i>Các khoản phải nộp tính theo lương (bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, BHTNLD-BNN và kinh phí công đoàn)</i>	tr.đ	4.028	6.366	6.366		100%	
d	Kinh phí Đảng	tr.đ	97	147		147		100%

TT	Nội dung khoản mục	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2020	Dự toán năm 2021				
				Tổng kinh phí	Nguồn kinh phí sử dụng		Tỷ lệ phân bổ chi phí (%)	
					SPDV công ích cấp nước, tưới, tiêu nước	SPDV khác và lãi tiền gửi ngân hàng	SDPV công ích cấp nước, tưới, tiêu nước	SPDV khác và lãi tiền gửi ngân hàng
2	Chi phí nguyên, nhiên, vật liệu để vận hành, bảo dưỡng công trình, máy móc thiết bị	tr.đ	186	1.050	950	100		
a	Điện, dầu vận hành (bao gồm bổ sung dầu thủy lực đập dâng Văn Phong)	tr.đ		359	359		100%	
b	Mỡ, nhớt, vật tư bảo dưỡng	tr.đ		194	194		100%	
c	Ván gỗ gia công phai vận hành các hồ chứa, đập dâng	tr.đ		397	397		100%	
d	Mua vật tư làm cột thủy chỉ tại các hồ mới nhận bàn giao	tr.đ		100		100		100%
3	Chi phí công tác bảo hộ, an toàn lao động	tr.đ	319	224	224		100%	
4	Chi phí tiền điện bơm nước tưới, tiêu	tr.đ	492	697	697		100%	
5	Chi phí bảo vệ, bảo đảm an toàn công trình	tr.đ		88	88		100%	
6	Chi phí phục vụ phòng chống bão lụt, ứng hạn	tr.đ	597	18		18		100%
II	Chi phí bảo trì	tr.đ	7.155	6.200	47	6.153		
1	Chi phí quan trắc	tr.đ	144	178	-	178		
a	Thuê bao dịch vụ trạm đo mưa tự động phục vụ công tác phòng, chống thiên tai khu vực tỉnh Bình Định	tr.đ	144	178		178		100%
2	Chi phí kiểm định chất lượng dầu thủy lực, công trực	tr.đ	67	71		71		100%
3	Chi phí bảo dưỡng thường xuyên	tr.đ	347	370	-	370		

TT	Nội dung khoản mục	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2020	Dự toán năm 2021				
				Tổng kinh phí	Nguồn kinh phí sử dụng		Tỷ lệ phân bổ chi phí (%)	
					SPDV công ích cấp nước, tưới, tiêu nước	SPDV khác và lãi tiền gửi ngân hàng	SDPV công ích cấp nước, tưới, tiêu nước	SPDV khác và lãi tiền gửi ngân hàng
a	Chi phí mua công cụ, dụng cụ	tr.đ		210		210		100%
b	Chi phí nhiên liệu, vật liệu phục vụ bảo dưỡng công trình	tr.đ		160		160		100%
4	Chi phí sửa chữa thường xuyên	tr.đ	6.597	5.581	47	5.534		
a	Đắp áp trực, nạo vét kênh mương	tr.đ	1.777	3.200		3.200		100%
b	Sửa chữa thường xuyên công trình	tr.đ	4.366	1.270	47	1.223	4%	96%
c	Dự phòng chi các công trình hư hỏng, sự cố phát sinh trong năm	tr.đ	454	1.111		1.111		100%
III	Chi phí khấu hao tài sản cố định	tr.đ	3.200	385	385		100%	
IV	Chi phí quản lý	tr.đ	4.444	5.461	4.707	754	86%	14%
V	Chi phí thực tế khác liên quan	tr.đ	856	1.106	906	200		
1	Chi phí xây dựng định mức vớt bèo	tr.đ		200		200		100%
2	Chi phí thuê đất	tr.đ	210	200	200		100%	
3	Chi phí vớt bèo hệ thống kênh mương	tr.đ		706	706		100%	
4	Chi phí chuyển giao kênh mương	tr.đ	118					
5	Kinh phí của Ban quản lý đặt hàng mua sản phẩm	tr.đ	153					
6	Nộp vào quỹ phòng chống thiên tai của tỉnh	tr.đ	100	-				
7	Hỗ trợ kinh phí chi trả công tác thủy nông nội đồng hệ thống tưới hồ chứa nước Trong Thượng, Tà Niêng	tr.đ	79	-				
8	Phân bổ công cụ, dụng cụ đập dâng Văn Phong	tr.đ	196	-		-		

TT	Nội dung khoản mục	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2020	Dự toán năm 2021				
				Tổng kinh phí	Nguồn kinh phí sử dụng		Tỷ lệ phân bổ chi phí (%)	
					SPDV công ích cấp nước, tưới, tiêu nước	SPDV khác và lãi tiền gửi ngân hàng	SDPV công ích cấp nước, tưới, tiêu nước	SPDV khác và lãi tiền gửi ngân hàng
D	Lợi nhuận	tr.đ	6.174	7.126	7.126	-		
1	Lợi nhuận không chịu thuế TNDN	tr.đ	4.910	7.126	7.126			
a	Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho người lao động	tr.đ	4.707	6.911	6.911		100%	
b	Trích quỹ thưởng viên chức quản lý	tr.đ	203	215	215		100%	
2	Lợi nhuận chịu thuế TNDN	tr.đ	1.264	-				
a	Thuế thu nhập doanh nghiệp	tr.đ	177					
b	Trích lập quỹ đầu tư phát triển	tr.đ	161					
c	02 quỹ khen thưởng phúc lợi, quỹ thưởng người quản lý Công ty năm 2014	tr.đ	926					

Phụ lục 02

DỰ TOÁN KINH PHÍ NGÂN SÁCH HỖ TRỢ SỬ DỤNG SẢN PHẨM, DỊCH VỤ CÔNG ÍCH THỦY LỢI NĂM 2021

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 12 năm 2021 của UBND tỉnh)

TT	BIỆN PHÁP CẤP NƯỚC, TƯỚI, TIÊU CHO TỪNG ĐỐI TƯỢNG	DIỆN TÍCH KẾ HOẠCH NĂM 2021 (HA)				MỨC HỖ TRỢ SPDV CÔNG ÍCH THỦY LỢI (ĐỒNG/HA /VỤ)	GIÁ TRỊ NGÂN SÁCH HỖ TRỢ (ĐỒNG)			
		Vụ Đông Xuân	Vụ Hè Thu	Vụ Mùa	Tổng diện tích		Vụ Đông Xuân	Vụ Hè Thu	Vụ Mùa	Cả năm
A	TUỚI, TIÊU CHO CÂY TRỒNG (I+II)	35.821,75	36.679,49	3.270,22	75.771,46		25.845.520.839	26.153.719.992	1.891.205.558	53.890.446.389
I	TUỚI TIÊU BẰNG TRỌNG LỰC (1+2+3)	35.447,95	36.050,95	3.191,22	74.690,12		25.493.377.923	25.491.963.416	1.877.848.238	52.863.189.577
1	Chủ động hoàn toàn	22.038,39	21.880,10	1.767,55	45.686,04		20.663.061.734	20.470.807.322	1.503.277.092	42.637.146.148
	+ Cây lúa	20.107,44	19.902,48	1.353,17	41.363,09		19.890.782.210	19.680.121.150	1.339.845.620	40.910.748.980
	- Miền núi	230,77	200,27	20	451,04	1.267.000	292.385.590	253.742.090	25.340.000	571.467.680
	- Đồng bằng	19.876,67	19.702,21	1.333,17	40.912,05	986.000	19.598.396.620	19.426.379.060	1.314.505.620	40.339.281.300
	+ Cây màu	1.930,95	1.977,62	414,38	4.322,95		772.279.524	790.686.172	163.431.472	1.726.397.168
	- Miền núi	95,31	95,31		190,62	506.800	48.303.108	48.303.108	-	96.606.216
	- Đồng bằng	1.835,64	1.882,31	414,38	4.132,33	394.400	723.976.416	742.383.064	163.431.472	1.629.790.952
2	Tạo nguồn cho công trình	9.397,71	9.719,62	1.111,59	20.228,92		3.370.089.629	3.411.761.144	302.108.822	7.083.959.595
	+ Cây lúa	7.976,28	7.937,77	535,60	16.449,65		3.145.844.832	3.130.656.488	211.240.640	6.487.741.960
	- Đồng bằng	7.976,28	7.937,77	535,60	16.449,65	394.400	3.145.844.832	3.130.656.488	211.240.640	6.487.741.960
	+ Cây màu	1.421,43	1.781,85	575,99	3.779,27		224.244.797	281.104.656	90.868.182	596.217.635
	- Miền núi				0,00	202.720	-	-	-	-
	- Đồng bằng	1.421,43	1.781,85	575,99	3.779,27	157.760	224.244.797	281.104.656	90.868.182	596.217.635
3	Tạo nguồn cho trạm bơm	4.011,85	4.451,23	312,08	8.775,16		1.460.226.560	1.609.394.950	72.462.323	3.142.083.834
	+ Cây lúa	3.496,10	3.833,54	98,16	7.427,80		1.378.861.840	1.511.948.176	38.714.304	2.929.524.320
	- Miền núi				0,00	506.800	-	-	-	-
	- Đồng bằng	3.496,10	3.833,54	98,16	7.427,80	394.400	1.378.861.840	1.511.948.176	38.714.304	2.929.524.320
	+ Cây màu	515,75	617,69	213,92	1.347,36		81.364.720	97.446.774	33.748.019	212.559.514
	- Miền núi				0,00	202.720	-	-	-	-

TT	BIỆN PHÁP CẤP NƯỚC, TUỚI, TIÊU CHO TỪNG ĐỐI TƯỢNG	DIỆN TÍCH KẾ HOẠCH NĂM 2021 (HA)				MỨC HỖ TRỢ SPDV CÔNG ÍCH THỦY LỢI (ĐỒNG/HA /VỤ)	GIÁ TRỊ NGÂN SÁCH HỖ TRỢ (ĐỒNG)			
		Vụ Đông Xuân	Vụ Hè Thu	Vụ Mùa	Tổng diện tích		Vụ Đông Xuân	Vụ Hè Thu	Vụ Mùa	Cả năm
	- Đồng bằng	515,75	617,69	213,92	1.347,36	157.760	81.364.720	97.446.774	33.748.019	212.559.514
II	TUỚI TIÊU BẰNG ĐỘNG LỰC (1+2)	373,80	628,54	79,00	1.081,34		352.142.916	661.756.576	13.357.320	1.027.256.812
1	Chủ động hoàn toàn	368,80	553,54	79,00	1.001,34		348.620.416	608.919.076	13.357.320	970.896.812
	+ Cây lúa	227,64	412,38	0,00	640,02		300.229.720	560.528.380	-	860.758.100
	- Đồng bằng (tưới + tiêu)	206,84	391,58		598,42	1.409.000	291.437.560	551.736.220	-	843.173.780
	- Đồng bằng (tiêu Hữu Giang)	20,8	20,8		41,60	422.700	8.792.160	8.792.160	-	17.584.320
	+ Cây màu	141,16	141,16	79,00	361,32		48.390.696	48.390.696	13.357.320	110.138.712
	- Đồng bằng (tưới + tiêu)	62,16	62,16		124,32	563.600	35.033.376	35.033.376	-	70.066.752
	- Đồng bằng (tiêu Hữu Giang)	79	79	79	237,00	169.080	13.357.320	13.357.320	13.357.320	40.071.960
2	Tạo nguồn cho công trình	5,00	75,00	0,00	80,00		3.522.500	52.837.500	-	56.360.000
	+ Cây lúa (Đồng bằng)	5	75		80,00	704.500	3.522.500	52.837.500	-	56.360.000
B	NUÔI TRỒNG THỦY SẢN (1+2+3)	276,41	0,00	0,00	276,41		304.910.000	-	-	304.910.000
1	Chủ động hoàn toàn	19,00			19,00	2.500.000	47.500.000	-	-	47.500.000
2	Tạo nguồn cho công trình	254,91			254,91	1.000.000	254.910.000	-	-	254.910.000
3	Tạo nguồn cho trạm bơm	2,50			2,50	1.000.000	2.500.000	-	-	2.500.000
	Cộng miền núi	326,08	295,58	20	641,66		340.688.698	302.045.198	25.340.000	668.073.896
	Cộng đồng bằng	35772,08	36383,91	3250,22	75.406,21		25.809.742.141	25.851.674.794	1.865.865.558	53.527.282.493
	TỔNG CỘNG TOÀN BỘ	36.098,16	36.679,49	3.270,22	76.047,87		26.150.430.839	26.153.719.992	1.891.205.558	54.195.356.389
	TỔNG CỘNG LÀM TRÒN	36.098,00	36.680,00	3.270,00	76.048,00		26.150.000.000	26.154.000.000	1.891.000.000	54.195.000.000

*** Ghi chú:** Kinh phí ngân sách hỗ trợ sử dụng SPDV công ích năm 2021 không tính hỗ trợ cho các HTX có trạm bơm dầu, điện (theo Quyết định số 2282/QĐ-UBND ngày 08/06/2021 của UBND tỉnh Bình Định về việc bãi bỏ các văn bản của UBND tỉnh không còn phù hợp theo quy định tại Nghị định 96/2018/NĐ-CP ngày 30/6/2018 của Chính phủ quy định chi tiết về giá sản phẩm dịch vụ thủy lợi)

Phụ lục 03

KẾ HOẠCH SỬA CHỮA THƯỜNG XUYÊN CÔNG TRÌNH SỬ DỤNG NGUỒN KINH PHÍ HỖ TRỢ SỬ DỤNG SẢN PHẨM, DỊCH VỤ CÔNG ÍCH THỦY LỢI VÀ NGUỒN THU TỪ SẢN PHẨM, DỊCH VỤ THỦY LỢI KHÁC NĂM 2021

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 12 năm 2021 của UBND tỉnh)

STT	Tên công trình	Hệ thống	Địa điểm xây dựng	Kinh phí (triệu đồng)	Hiện trạng hư hỏng	Ghi chú
1	Sửa chữa hệ thống máy đóng mở cửa tràn Hồ Mỹ Bình	Mỹ Bình	Hoài Phú	120	Cửa số 1; 2,3,4,5 ,6 tính từ trái qua phải bị hư hỏng nguyên nhân từ khi xây dựng xong đến nay chưa được bảo dưỡng: bị hư; nhôm truyền động bị mòn và trái khế cạ sát trục. - Cửa số 7,8,9,10,11,12 tính từ trái qua phải cần bảo dưỡng bên trong; - Lan can bị gãy hằn do bão số 9 gây ra L = 11,5m.	
2	Sửa chữa gia cố hạ lưu cầu máng ống thép kênh N4 tại K0+567m	Cần Hậu	Hoài Châu Bắc	50	Trong cơn bão số 12 vừa qua lượng mưa trên khu vực xã Hoài Châu Bắc rất lớn, lượng nước tại các vị trí cầu máng ống thép chảy rất lớn gây ra quá tải không tiêu thoát hết nên xảy ra hiện tượng sụp gãy cầu máng và kênh bê tông	
3	Sửa chữa cống lấy nước hồ Phú Hà	Phú Hà	Mỹ Đức	150	Qua quá trình sử dụng lâu ngày 03 van cống lấy nước đầu kênh hồ Phú Hà bị hư hỏng, không thể điều tiết đóng mở nước tưới. (1 van sự cố và 2 van điều tiết)	Theo CV 7883/UBND-KT ngày 25/11/2020 của UBND tỉnh
4	Sửa chữa cống lấy nước hồ Suối Sỏ	Suối Sỏ	Mỹ Phong	160	Qua quá trình sử dụng lâu ngày 02 van cống lấy nước đầu kênh hồ Suối Sỏ bị hư hỏng, không thể điều tiết đóng mở nước tưới. (1 van sự cố và 1 van điều tiết)	Theo CV 402/SNN - QLXDCT ngày 01/3/2021

STT	Tên công trình	Hệ thống	Địa điểm xây dựng	Kinh phí (triệu đồng)	Hiện trạng hư hỏng	Ghi chú
5	Sửa chữa Cổng xả cát xi phông kênh chính Vân Hà (K1+895)	Vân Hà	Nhơn Phú	90	Cổng xả cát bị hư hỏng, tắc nghẽn không vận hành được	
6	Thay đường ống thép kênh N2 Long Mỹ (K0+200)	Long Mỹ	Phước Mỹ	130	Đường ống bị mục không chuyển tải nước tưới	
7	Sửa chữa hồ chứa nước An Đổ	An Đổ	Hoài Sơn	110		Theo CV 2113/UBND-KT ngày 16/4/2021 của UBND tỉnh
8	Sửa chữa hồ chứa nước Hóc Mít	Hóc Mít	Mỹ Chánh Tây	230		Theo CV 2113/UBND-KT ngày 16/4/2021 của UBND tỉnh
9	Sửa chữa cống lấy nước hồ chứa nước Đại Ân (Hố Dội)	Đại Ân	Cát Nhơn	50	Đoạn ống cống lấy nước trong nhà van bị thủng trên mặt lưng ống và nước phun mạnh ra ngoài. Vị trí hư hỏng tiếp giáp với mặt bích van đĩa hạ lưu, kích thước hư hỏng: chiều rộng 5 cm, chiều dài dọc theo thân cống 10cm; lưu lượng nước rò rỉ ra ngoài khoảng 25l/s	
10	Sửa chữa trạm đo mưa tự động (trạm An Toàn - xã An Toàn, huyện An Lão và trạm Sơn Lang - xã Sơn Lang, huyện Kbang, tỉnh Gia Lai)	Định Bình	An Toàn; Sơn Lang, Kbang, Gia Lai	80	Bị hư bộ datalogger; pin năng lượng, ắc quy + bộ chuyển nguồn năng lượng; Cảm biến đo mưa cũ, không hoạt động	

STT	Tên công trình	Hệ thống	Địa điểm xây dựng	Kinh phí (triệu đồng)	Hiện trạng hư hỏng	Ghi chú
11	Sửa chữa cống tiêu Ông Tường	Lão Tâm	Cát Thắng	100	Công trình nằm trên bờ hữu đê sông Đại An, thuộc xã Cát Thắng huyện Phù Cát, kết cấu chủ yếu bằng đá xây. Nhiệm vụ tiêu úng cho hơn 100 ha lúa 2 xã Cát Thắng và Cát Chánh. Hiện trạng: Mái đá xây thượng lưu bị sụp gãy, dòng chảy thấm lậu theo thân cống, cuốn trôi đất tạo hàm ếch, có nguy cơ sụp gãy thân cống và mặt đường đê sông Đại An.	
	TỔNG CỘNG (11 danh mục)			1.270		

Phụ lục 04

KẾ HOẠCH SỬA CHỮA THƯỜNG XUYÊN CÔNG TRÌNH NĂM 2021 XIN TẠM ỪNG NGÂN SÁCH TỈNH NGUỒN KINH PHÍ HỖ TRỢ SỬ DỤNG SẢN PHẨM, DỊCH VỤ CÔNG ÍCH THỦY LỢI NĂM 2022 ĐỂ CHI TRẢ

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 12 năm 2021 của UBND tỉnh)

ST T	Tên công trình	Hệ thống	Địa điểm xây dựng	Kinh phí (triệu đồng)	Hiện trạng hư hỏng	Biện pháp sửa chữa	Ghi chú
1	Sửa chữa, thay thế 2 bộ máy đóng mở và cánh cửa cống xả sâu đập ngăn mặn đầm Trà Ổ	Trạm bơm Chánh Khoan	Mỹ Đức	340	Qua quá trình sử dụng lâu dài 04 bộ máy đóng mở và cánh cửa cống xả sâu bị hư hỏng (cánh cửa số 1), các bi bạc ăn mòn nên việc vận hành rất khó khăn.	Do điều kiện kinh phí, trước mắt thay 02 bộ máy đóng mở và cánh cửa xả sâu	
2	Cải tạo đường dây điện 3 pha 0,4KV từ trạm biến áp về nhà vận hành đập Lại Giang	Lại Giang	P. Bồng Sơn	380	Đường dây điện cũ không đủ điện áp và thường xuyên hư hỏng	Cải tạo đường dây 3 pha 0,4kV từ trạm biến áp về nhà vận hành đập Lại Giang là rất cần thiết và cấp bách	
3	Sửa chữa mái tả hạ lưu đập Bảy Yển	Sông Kôn	Nhon Khánh	300	Đập điều tiết Bảy Yển điều tiết nước tưới cho hơn 7200 ha đất canh tác của huyện Tuy Phước và TX An Nhơn. Trải qua quá trình khai thác sử dụng, và sự tác động trực tiếp của các đợt lũ chính vụ đã tạo hố xói sâu tại vị trí tiếp giáp giữa chân khay sân sau với chân khay mái bờ bờ tả. Đất trong thân mái đá bị xói trôi tạo hàm ếch dẫn đến sụp mái đá xây bờ tả với chiều dài mái 12m, cao 6,0m	Sửa chữa khôi phục lại hiện trạng ban đầu với quy mô: Xử lý hố xói hạ lưu đập; Tháo dỡ mái đá xây cũ, đổ bê tông chân khay mái, đắp đất cấp 3 đầm nén chặt và đổ bê tông mái M200, đá 1*2	

ST T	Tên công trình	Hệ thống	Địa điểm xây dựng	Kinh phí (triệu đồng)	Hiện trạng hư hỏng	Biện pháp sửa chữa	Ghi chú
4	Sửa chữa trạm đo mực nước tự động dùng điện quốc gia, cảm biến siêu âm (trạm đo MN thượng hạ lưu đập dâng Văn Phong xã Bình Tường, huyện Tây Sơn)	Văn Phong	Bình Tường, Tây Sơn	126	Bị hư bộ bộ nguồn, bộ xử lý số liệu trung tâm, cảm biến đo bằng áp suất, không kiểm tra được do bộ nguồn trung tâm bị hỏng	Thay toàn bộ, sử dụng cảm biến không tiếp xúc siêu âm. Dùng điện lưới quốc gia	
5	Sửa chữa trạm đo mực nước tự động dùng điện năng lượng mặt trời, cảm biến ra đa (trạm cầu Trường Thi, Phường Nhơn Hòa, TX An Nhơn)	Sông Côn	P. Nhơn Hòa	80	Bị hư bộ datalogger; pin ắc quy; Cảm biến đo bằng áp suất, còn hoạt động nhưng không chính xác	Thay toàn bộ, sử dụng cảm biến không tiếp xúc ra đa. Dùng năng lượng mặt trời	
6	Sửa chữa các van đĩa cổng lấy nước đầu mỗi hồ chứa nước Văn Khánh Đức	Văn Khánh Đức	Hoài Đức	100	Cổng lấy nước vận hành bằng 02 van đĩa gồm 01 van sự cố và 01 van vận hành. Trong đó van vận hành bị hỏng hoàn toàn, van sự cố bị rò rỉ nước lớn	Sửa chữa lại 02 van đĩa, thay ron và bi	
7	Sửa chữa các van đĩa cổng lấy nước đầu mỗi hồ chứa nước Cây Khế	Cây Khế	Hoài Mỹ	120	Cổng lấy nước vận hành bằng 02 van đĩa gồm 01 van sự cố và 01 van vận hành. Trong đó van vận hành bị hỏng hoàn toàn, van sự cố bị rò rỉ nước lớn	Sửa chữa lại 02 van đĩa, thay ron và bi	
8	Sửa chữa bảo dưỡng các van hồ chứa nước Phú Thuận, Kim Sơn, Hóc Cau, An Đổ, Hóc Mỹ, Hố Giang, Suối Mới	Phú Thuận, Kim Sơn, Hóc Cau, An Đổ, Hóc Mỹ, Hố Giang, Suối Mới	Huyện Hoài Ân và TX. Hoài Nhơn	160	Van điều tiết lâu nay địa phương không vận hành mà vận hành bằng van sự cố; hiện tại van điều tiết vận hành rất nặng do lâu nay không vận hành, cần tháo để kiểm tra bảo dưỡng; Van sự cố vận hành bình thường nhưng hư hỏng basetup rò nước theo ty van chảy tràn ra sân nhà vận hành	Sửa chữa và bảo dưỡng lại các van	

ST T	Tên công trình	Hệ thống	Địa điểm xây dựng	Kinh phí (triệu đồng)	Hiện trạng hư hỏng	Biện pháp sửa chữa	Ghi chú
9	Sửa chữa chống mất nước kênh N2	Cây Gai	Mỹ Tài	200	Đọc suốt từ đầu đến cuối tuyến kênh, tường và bản đáy kênh bị mất liên kết gây gây sụp thấm nước từ trong kênh ra ngoài. Trong đó đoạn kênh nổi có chiều dài 1.800m tường và bản đáy bị mất liên kết tạo các khe hở và vết nứt gây thấm và xói lở tại nhiều đoạn (K1÷K1+144m, K1+211÷K1+270m, K1+811÷K1+965, K2+123÷K2+256m), chiều rộng 5cm, sâu từ 6÷10cm. Tại K0+383m đáy kênh bị trống đất, xói lở gây sụp đoạn kênh với chiều dài 3,6m; tại vị trí cống tiêu K1+700m nước bị thấm chảy từ trong kênh ra ngoài, sụp trống đất bờ và mái kênh với chiều dài 6m.	Đầu tư sửa chữa đoạn kênh trên với kết cấu bê tông M200 đá 1*2cm và bố trí bổ sung thanh giằng.	Ý kiến cử tri hội đồng nhân dân tỉnh
10	Khắc phục sạt lở mái kênh N1 từ K0+715÷K0+963m và sửa chữa hư hỏng tại K1+150m, K1+195m	Cây Gai	Mỹ Hiệp	150	Đoạn kênh từ K0+715 đến K1+963 mái đất bị xuống cấp hư hỏng, nhiều đoạn bị sập tường. 2 vị trí tại K1+150 và K1+ 195 tường kênh bị sụp gãy, ngã vào lòng kênh gây ách tắc dòng chảy	Sửa chữa đoạn kênh trên với kết cấu bê tông M200, đá 1*2.	
11	Sửa chữa van cống lấy nước hồ Tây Dâu, hồ Đập Lồi, cống lấy nước phụ hồ Đại Sơn	Đại Sơn, Đập Lồi, Mỹ Hòa	Xã Mỹ Hiệp, Cát Tài, Mỹ Hòa	150	Hiện tại cống phụ hồ Đại Sơn bị rò rỉ nước, rong bị hư hỏng; Hồ Tây Dâu; Hồ Đập Lồi van sự cố không vận hành được	Sửa chữa lại các van cống lấy nước	

ST T	Tên công trình	Hệ thống	Địa điểm xây dựng	Kinh phí (triệu đồng)	Hiện trạng hư hỏng	Biện pháp sửa chữa	Ghi chú
12	Sửa chữa các van đĩa cổng lấy nước, máy đóng mở, lan can tràn hồ chứa nước Hóc Ké	Hóc Ké	Phước An	230	Hai van đĩa cổng lấy nước bị hỏng rò rỉ nước, năm máy đóng mở tràn xả lũ bị hỏng không vận hành được gồm (máy số 01,02,03,06,12), lan can cầu công tác mất 100m	Sửa lại 02 van đĩa thay ron và bi nhằm chống rò rỉ nước, sửa lại các máy bị hỏng để đảm bảo an toàn cho mùa lũ chính vụ năm 2021, làm mới 100m lan can cầu công tác đảm bảo an toàn khi vận hành (theo chiều dài)	
13	Sửa chữa các van đĩa cổng lấy nước đầu mối hồ chứa nước Cây Đa	Cây Đa	Phước Thành	100	Cổng lấy nước vận hành bằng 02 van đĩa gồm 01 van sự cố và 01 van vận hành. Trong đó van vận hành bị hỏng hoàn toàn, van sự cố bị rò rỉ nước lớn	Sửa chữa lại 02 van đĩa, thay ron và bi	
14	Sửa chữa các van đĩa cổng lấy nước đầu mối hồ chứa nước Cây Thích	Cây Thích	Phước Thành	100	Cổng có một van đĩa bị hỏng hoàn toàn	Sửa chữa lại van đĩa, thay ron và bi	
15	Khắc phục những vị trí rò rỉ đường ống kênh tưới Tà Niêng	Tà Niêng	Vĩnh Thuận	80	Trong quá trình sử dụng lâu năm đường ống tưới Tà Niêng bị lão hóa dẫn đến tình trạng nứt gãy, rò rỉ nước tại các vị trí K0+70m (kênh chính); tại K0+185m (kênh chính), tại K0+195m (kênh chính), tại K0+440m (Hầm van), tại K0+250m (kênh N2) và tại K0+292m (kênh N2)	Tiến hành đổ bê tông M200 đá 1x2 kích thước 1x1x1 m bọc lại đường ống cũ	

ST T	Tên công trình	Hệ thống	Địa điểm xây dựng	Kinh phí (triệu đồng)	Hiện trạng hư hỏng	Biện pháp sửa chữa	Ghi chú
16	Sửa chữa Cầu máng ống thép Trùm Mùi nằm tại vị trí K2 kênh N8	Lại Giang	Tam Quan	35	Cầu máng ống thép Trùm Mùi nằm tại vị trí K2 kênh N8, làm nhiệm vụ dẫn nước phục vụ tưới cho 10ha đất lúa của HTX Tam Quan, và được xây dựng từ những năm 1990. Qua thời gian khai thác và vận hành, đến nay ống thép này đã bị gỉ mục nước rò rỉ ra ngoài, gây thất thoát và lãng phí nước.	Thay thế mới đoạn ống bị gỉ mục bằng ống thép d = 40cm dày 4mm	
17	Sửa chữa phiêu chì Fco tại nhánh rẽ đường dây điện 22KV và tại trạm biến áp hồ Cẩn Hậu	Cẩn Hậu	Tam Quan	15	Qua thời gian khai thác vận hành lâu năm và khu vực hồ có mưa giông gây ra sấm sét làm hư hỏng các thiết bị điện.	Thay thế mới dây chì và phiêu chì Fco, van chống sét.	
18	Sửa chữa bộ điều khiển máy đóng mở cửa số 8 đập Cây Gai	Cây Gai	Cát Lâm	12	Các nút bấm điều khiển vận hành tại máy đóng mở cửa số 8 đập Cây Gai bị hư hỏng, gây khó khăn cho việc điều khiển đóng mở đập	Thay thế các nút điều khiển	
19	Thay thế 02 tấm nắp bảo vệ máy đóng mở cửa tràn Hội Sơn	Hội Sơn	Cát Sơn	10	02 tấm nắp bảo vệ máy đóng mở tràn hồ Hội Sơn qua quá trình sử dụng lâu ngày đã bị hư hỏng, mục thủng, gây mất an toàn cho thiết bị (mô tơ điện), đặc biệt là ảnh hưởng đến an toàn cho người vận hành khi vận hành điều tiết (gió bay trúng).	Thay thế nắp bảo vệ máy đóng mở	
20	Sửa chữa cánh cửa sổ nhà van cống lấy nước phía nam hồ Hóc Nhạn	Hóc Nhạn	Mỹ Thọ	10	Cánh cửa sổ nhà van cống lấy nước phía nam hồ Hóc Nhạn bị hư hỏng gây khó khăn trong công tác bảo vệ, quản lý, điều tiết nước.	Thay mới cánh cửa sổ nhà van cống lấy nước	
21	Thay thế dây chì đường dây điện hồ Hội Sơn	Hội Sơn	Cát Sơn	12	Dự phòng khi trời mưa, sấm sét đứt dây chì		

ST T	Tên công trình	Hệ thống	Địa điểm xây dựng	Kinh phí (triệu đồng)	Hiện trạng hư hỏng	Biện pháp sửa chữa	Ghi chú
22	Sửa chữa hệ thống điện nhà quản lý Hội Sơn	Hội Sơn	Cát Sơn	8	Hệ thống điện nhà quản lý hồ Hội Sơn được sử dụng lâu năm đến nay đã xuống cấp, đường dây điện bị hư hỏng, các bảng điện, bóng điện bị hư nguy cơ xảy ra chập cháy điện	Thay thế hệ thống điện nhà quản lý	
23	Sửa chữa máy đóng mở số 2 tràn hồ Trung Sơn	Trung Sơn	Mỹ Trinh	14	Hồ Trung Sơn được bàn giao Xí nghiệp từ cuối năm 2020, thực tế tại máy đóng mở tràn số 2 bị hư hỏng bộ bi, nên trong quá trình vận hành rất khó khăn	Thay bi máy đóng mở	
24	Khắc phục sạt lở kênh Nc1 tại K2+428m	Hội Sơn	Cát Sơn	30	Hiện trạng phát hiện tại vị trí K2+428m bị sụp gãy 1 đoạn kênh chiều dài L=4m, kích thước kênh (BxH)=(0,5x0,7)m, xói trũng đáy kênh gây ảnh hưởng đến khả năng tưới và mất an toàn cho công trình	Tháo dỡ đoạn kênh bị sụp gãy, đắp đất công trình, đổ lại đoạn kênh bằng bê tông M200 đá 1x2cm	
25	Sửa chữa cửa van cổng cấp 3 điều tiết Bạh Hẹ - kênh S	Tháp Mả	Phước Quang	14	Trải qua thời gian sử dụng, hiện nay cửa van phẳng có kt (B*H) = (0,68*1,1)m bị hư hỏng, Các thanh thép hình V7 và tấm chắn nước chắn nước bằng tôn bung bị gỉ sét, thùng lỗ. lưu lượng thất thoát qua hạ lưu cổng lớn làm giảm cột nước tưới trên kênh S, rất khó khăn trong quá trình điều tiết nước tưới.	Sửa chữa cửa van cổng lấy nước phía tả thượng lưu điều tiết Bờ Bạh Hẹ theo kích thước hiện trạng (B*H) = (0,68*1,1)m với kết cấu bằng thép hình V7, đan sắt tròn chịu lực và đổ bê tông cốt thép M250, (đá (1*2)cm	

ST T	Tên công trình	Hệ thống	Địa điểm xây dựng	Kinh phí (triệu đồng)	Hiện trạng hư hỏng	Biện pháp sửa chữa	Ghi chú
26	Sửa chữa cửa van Cổng Cây Me - Kênh 19-5	Thạch Đề	Nhon Hưng	20	Công trình gồm có 02 cửa van phẳng, đóng mở bằng máy V5, kích thước cửa van (B*H)=(1,7*1,7)m, kết cấu bằng bê tông cốt thép, Trong năm 2019 đã sửa chữa 01 cửa phía tả, Hiện nay cánh cửa phía hữu bị hư hỏng, cụ thể: phần tai cửa liên kết với ty van bị gỉ sét có nguy cơ đứt gãy trong lúc vận hành.	Để đảm bảo an toàn công trình trong quá trình vận hành, sửa chữa cánh cửa van phía hữu cổng Cây Me kích thước theo hiện trạng ban đầu (B*H)=(1,7*1,7)m , kết cấu chủ yếu thép hình V7, đan sắt tròn chịu lực và đổ bê tông cốt thép M250, đá (1*2)cm	
27	Sửa chữa máy đóng mở cửa số 1 Đập Cùg - Kênh Vân Triều	Thạch Đề	Nhon Hạnh	14	Công trình gồm có 04 cửa, đóng mở bằng máy V5, hiện nay cửa số 1 tính từ tả sang hữu máy đóng mở V5 bị hư hỏng, vận hành bị đóng mở không được.	Để thuận lợi trong quá trình điều tiết nước tưới và tiêu úng, cũng như tiêu thoát lũ hàng năm, sửa chữa máy đóng mở V5 cửa số 01 điều tiết Đập cùg khôi phục lại hiện trạng ban đầu	

ST T	Tên công trình	Hệ thống	Địa điểm xây dựng	Kinh phí (triệu đồng)	Hiện trạng hư hỏng	Biện pháp sửa chữa	Ghi chú
28	Lắp đặt hệ thống làm mát gioăng cao su 10 cánh cửa tràn và sửa chữa các máy đóng mở số 01,02 đầu cống lấy nước bờ trái; máy đóng mở bên hữu điều tiết số 02 tại K10+572m; máy đóng mở đầu kênh N14 (K1+195 kênh Bis); N14-1 (K1+338m); cụm điều tiết số 4 kênh N12 (K3+068m).	Đập Văn Phong + Kênh Văn Phong	Bình Thành; Bình Tường; Bình Tân; Bình Hòa; Tây Bình	60	Máy đóng mở số 1; 2 đầu cống lấy nước bờ trái: - Máy đóng mở bên hữu điều tiết số 2: Vận hành nặng, ổ bi bị mài mòn do thời gian sử dụng lâu dài. - Máy đóng mở đầu kênh N14 không vận hành hết hành trình, cây ty bị mòn gai, máy vận hành nặng. - Máy đóng mở kênh N14-1 và cụm điều tiết số 4 kênh N12 bị hư hỏng. - 10 cánh cửa tràn đập dâng Văn Phong khi vận hành các Goăng cao su cọ sát với mặt cữ cửa nên vận cần hệ thống làm mát để tránh gây hư hỏng.	Lắp hệ thống tưới gioăng bằng máy bơm tại 10 nhà tràn đập Văn phong lấy nước từ thượng lưu sông Kon. - Thay thế Bạc dẫn, ổ định vị không ngang, Ổ bi chà 02 máy đóng mở đầu cống bờ trái. - Thay mới ổ bi, tu dưỡng thiết bị máy đóng mở bên hữu điều tiết số 02 - Sửa chữa gai ty, kiểm tra bảo dưỡng máy đóng mở đầu kênh N14. - Thay mới máy đóng mở kênh N14-1 và cụm điều tiết số 4 kênh N12 đã hư hỏng.	
29	Sửa chữa cầu máng số 5 kênh N2	Thuận Ninh	Bình Thành	40	Mặt sàn cầu máng phía thượng lưu số 5 bị sụp, hư hỏng, phần đất bên trong bị trôi có nguy cơ bị gãy cầu máng. - Phần tiếp giáp giữa ống thép và kênh bê tông bị rò rỉ nước, cuốn trôi đất ra ngoài.	Phản tháo kết cấu bê tông: 3.5m3; đắp đất 15m3, Bê tông 3,5m3	

ST T	Tên công trình	Hệ thống	Địa điểm xây dựng	Kinh phí (triệu đồng)	Hiện trạng hư hỏng	Biện pháp sửa chữa	Ghi chú
30	Sửa chữa hư hỏng kênh chính Hòn Lập đoạn từ K0+70m :- K0+317m và K1+600m :- K2+700m	Hòn Lập	Vĩnh Thịnh	800	Trong quá trình sử dụng lâu năm kênh đã bị xâm thực bê tông và đá xây dẫn đến sụt gãy bê tông đáy kênh gây mất nước và ảnh hưởng đến sự ổn định của công trình (BxH=0,95x1,1m tưới 250ha HTX Vĩnh Thịnh)	Đổ bù 300m3 bê tông M200 đá 1x2 đáy kênh bị sụp gãy	
31	Mở rộng kênh S1 từ K1+803÷ K2+756m	Cây Gai	Cát Hanh	690	Hiện tại mặt cắt kênh nhỏ nên thường xuyên bị tràn nước, dẫn đến thiếu nước cho 41ha thôn Vĩnh Kiên, xã Cát Hanh	Đầu tư mở rộng đoạn kênh bằng bê tông M200 đá 1x2	
32	Sửa chữa điều tiết Trục I - Kênh Bắc Lão Tâm	Lão Tâm	Cát Tiến	600	Hai bên tường cống lấy nước phía hữu thượng lưu công trình bị xói hỏng phần chân nên việc đóng mở ván phai gặp nhiều khó khăn. Mái hữu bị trôi mất đá. Tại vị trí hèm phai và đáy thân đập bị hỏng phần đá xây, các mạch vữa bị bong tróc dẫn đến việc đóng mở không được thuận lợi, rất khó khăn trong vấn đề điều tiết nước tưới	Sửa chữa đáy đập, 2 thân tường bên, trụ pin bằng biện pháp ốp bê tông M200; Sửa chữa, khôi phục cống lấy nước bên hữu, mái thượng lưu bằng bê tông , khôi phục lại hiện trạng, nâng cao hiệu quả phục vụ của công trình.	
TỔNG CỘNG (32 DANH MỤC)				5.000			

Phụ lục 05

DANH MỤC SỬ DỤNG NGUỒN KINH PHÍ HỖ TRỢ SỬ DỤNG SẢN PHẨM, DỊCH VỤ CÔNG ÍCH THỦY LỢI NĂM 2019 KẾT DƯ CHUYỂN SANG NĂM 2021

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 12 năm 2021 của UBND tỉnh)

STT	Nội dung công việc	Hệ thống	Địa điểm xây dựng	Kinh phí (triệu đồng)	Ghi chú
I	Sửa chữa công trình			400	
1	Sửa chữa, khắc phục tuyến kênh N3 (từ K0 + 93,5m đến K1+730m)	Cần Hậu	Hoài Sơn	300	Công trình đã triển khai thi công năm 2020 nhưng Công ty xin điều chỉnh, bổ sung khối lượng xây dựng trong năm 2021 nhằm đảm bảo khẩu độ tiêu thoát lũ ban đầu và tránh ngập lụt nhà dân khi xảy ra mưa lũ
2	Xây dựng hàng rào cổng ngõ qua tràn xả lũ hồ chứa nước Núi Một	Núi Một	Nhơn Tân	100	
II	Thanh toán tiền tư vấn giám sát công trình năm 2020			33	Có bảng kê kèm theo
III	Trả lại ngân sách tiền hỗ trợ sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi năm 2019, 2020			6	
IV	Hỗ trợ kinh phí chi trả công tác thủy nông nội đồng hệ thống tưới hồ chứa nước Tà Niêng			8	
V	Hỗ trợ kinh phí chuyển giao kênh mương			120	Hỗ trợ trong vụ Đông Xuân năm 2020-2021 (khi Quyết định số 2282/QĐ-UBND ngày 08/6/2021 của UBND tỉnh chưa ban hành)
VI	Hỗ trợ cho các HTX nhận nguồn tưới, tiêu có trạm bơm (dầu, điện)			732	
	Tổng cộng			1.299	

BẢNG KÊ CHI PHÍ TƯ VẤN GIÁM SÁT CÔNG TRÌNH NĂM 2020 CHƯA THANH TOÁN, XIN CHUYỂN SANG NĂM 2021 THANH TOÁN BẰNG NGUỒN KINH PHÍ KẾT DƯ NĂM 2019

(Kèm theo Phụ lục 05 - Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 12 năm 2021 của UBND tỉnh)

STT	Tên công trình	Hệ thống	Số tiền (đồng)
1	Sửa chữa điều tiết Cây Me 1 - Kênh Văn Lăng	Thạch Đề	3.916.000
2	Sửa chữa điều tiết Bờ Bạt Tre - Kênh Bờ Mọ	Thạch Đề	945.000
3	Sửa chữa kênh N1 từ K0+100 về hạ lưu	Lão Tâm - Văn Mới	8.303.000
4	Lắp đặt tấm nắp bê tông từ K0+430 :-K0+620 - kênh S4	Tháp Mào	2.712.000
5	Sửa chữa kênh N2, sửa chữa thanh giằng bê tông bị hỏng toàn tuyến	Núi Một	2.627.000
6	Lắp đặt máy đóng mở điều tiết Tam Bảo	Thanh Hòa	3.337.000
7	Kiên cố kênh N1-4 từ K1+783÷K1+983)	Núi Một	5.725.000
8	Sửa chữa xích treo các cửa tràn hồ Thuận Ninh	Thuận Ninh	1.261.000
9	Sửa chữa 3 cánh cửa tràn hồ chứa nước Thuận Ninh	Thuận Ninh	1.926.000
10	Gia cố hạ lưu bờ tả đập Bảy Yển	Tân An	732.000
11	Sửa chữa, khắc phục đoạn kênh S tại (K4+140)	Cây Gai	558.000
12	Sửa chữa kênh nhánh 7.B Kênh Vĩnh Thạnh	Vĩnh Thạnh	721.000
	Tổng cộng:		32.763.000

Phụ lục 06

KẾ HOẠCH CHI PHÍ TIỀN LƯƠNG, TIỀN ĂN GIỮA CA VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP TÍNH THEO LƯƠNG NĂM 2021

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 12 năm 2021 của UBND tỉnh)

I. KẾ HOẠCH TIỀN LƯƠNG

1. Kế hoạch tiền lương của người lao động quản lý:

- a) Tổng số lao động quản lý năm 2021: 06 người
- b) Tiền lương của người lao động quản lý năm 2021: 1.716.000.000 đồng

2. Kế hoạch tiền lương của người lao động

- a) Kế hoạch sử dụng lao động năm 2021: 384 người
- b) Tiền lương của người lao động: 27.645 triệu đồng.

Tổng quỹ tiền lương kế hoạch năm 2021: 1.716 tr.đ + 27.645 tr.đ = 29.361 triệu đồng.

II. CHI PHÍ ĂN GIỮA CA VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP TÍNH THEO LƯƠNG

1. Ăn giữa ca

a) Người quản lý Công ty

6 người x 730.000 đồng/người/tháng x 12 tháng = **53 triệu đồng**

b) Người lao động

- Lao động (tạm tính) được hưởng tiền ăn giữa ca: 375 người (trừ thời gian nghỉ hưởng chế độ BHXH, phép năm, đi học...)

375 người x 730.000 đồng/người/tháng x 12 tháng = **3.285 triệu đồng**

Tổng cộng tiền ăn giữa ca: 3.338 triệu đồng

2. Các khoản phải nộp tính theo lương

a) Người quản lý Công ty: 162.000.000 đồng

b) Người lao động

2.200 triệu đồng/tháng x 12 tháng x 23,5% = 6.204 triệu đồng

Tổng cộng BHXH + KPCĐ: 162 tr.đ + 6.204 tr.đ = 6.366 triệu đồng

Tổng cộng chi phí ăn giữa ca và các khoản phải nộp tính theo lương: 3.338 triệu đồng + 6.366 triệu đồng = 9.704 triệu đồng.

III. KINH PHÍ ĐĂNG

29.361 triệu đồng x 0,5% = 147 triệu đồng./.